

Bản án số: 59/2026/HS-ST
Ngày 24-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Cương và bà Lý Thị Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2026/TLST - HS ngày 24-3-2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HS ngày 13-4-2026, đối với:

1. Bị cáo: Dương Văn T - Tên gọi khác: Không, sinh ngày 04-5-1997 tại tỉnh Sơn La; Số CCCD: 014097005004; Nơi thường trú: Bản B, xã Đ, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; con ông: Dương Thế T1, sinh năm 1967 và bà: Đinh Thị T2, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; Tiền án: 01. Ngày 25-11-2024 bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 01 năm về tội Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích tại bản án số 330/2024/HS-ST); tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2012 bị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Sơn La đưa vào Trường G tháng; 2017 bị Công an huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Năm 2021 bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08-01-2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh L có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Công ty CP M. Đại diện theo pháp luật ông Đỗ Thanh S – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đức P – Cán bộ phòng K (theo Giấy ủy quyền ngày 08-01-2026). Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, phường Y, tỉnh Lào Cai Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị Phương L; sinh năm 1998; Nơi thường trú: Tổ dân phố N, phường N, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05-01-2026, Dương Văn T đi xe khách sang phường Y, tỉnh Lào Cai chơi. T thuê phòng tại Nhà nghỉ L1 thuộc tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai. 16 T đi bộ R thuộc tổ dân phố N, phường Y nhìn thấy giầy cáp quang ngầm, loại GOLDCUP, kích thước 04x16mm của Công ty CP M được lắp nổi tại khu vực bờ hồ Công viên Y nên T nảy sinh ý định trộm cắp dây điện. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 06-01-2026 T đi đến khu vực bờ hồ C quan sát không thấy có người qua lại nên đã sử dụng kìm cắt và lấy trộm được 32m dây điện cáp quang. Sau đó T cắt bỏ lớp nhựa bọc bên ngoài để lấy 04 sợi dây điện bên trong có lõi bằng đồng và mang về cất giấu tại khu vực bờ hồ thuộc tổ dân phố C, phường N, tỉnh Lào Cai. Đến khoảng 09 giờ ngày 07-01-2026 T mang đến bán cho chị Vũ Thị Phương L được 4.160.000 đồng và đã chi tiêu hết 2.440.000 đồng. Khi phát hiện bị mất trộm dây điện Công ty CP M đã trình báo Cơ quan điều tra Công an tỉnh L.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ được 02 đoạn vỏ dây cáp điện màu đen, bằng nhựa có tổng chiều dài 32m, bên trong có nhiều vỏ bằng nilon màu trắng bị cắt thành nhiều đoạn; 04 dây bằng kim loại, màu vàng đồng, mỗi dây có đường kính 16mm, bị cắt thành nhiều đoạn, tổng khối lượng 16 kg do chị L giao nộp. Dương Văn T giao nộp 01 chiếc kìm bằng kim loại màu trắng và số tiền 1.720.000 đồng.

Tại bản luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 12-01-2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự phường Y kết luận: Đối với 01 dây điện (dây cáp ngầm loại GOLDCUP), đã qua sử dụng dài 32m vỏ bằng nhựa màu đen; bên trong có 04 dây loại nhỏ có vỏ màu trắng, lõi bằng kim loại, mỗi dây có đường kính 16mm, màu vàng đồng. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự phường Y xác định có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp ngày 06-01-2026 là 6.400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSLC1-KV ngày 24-3-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Dương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty CP M số tiền 8.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kim băng kim loại.

Trả lại cho chị Vũ Thị Phương L số tiền 1.720.000 đồng.

Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST, án phí DSST.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai và sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Dương Văn T phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 06-01-2026, tại khu vực Công viên Y thuộc dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai. Dương Văn T đã trộm cắp 32m dây điện cáp quang ngầm, loại GOLDCUP Công ty CP M với trị giá tài sản là 6.400.000

đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Bị cáo Dương Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích thể hiện ý thức rèn luyện, chấp hành pháp luật của bị cáo là rất kém, do đó cần có hình phạt thỏa đáng tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo, bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về hành vi, người và các tài sản, đồ vật có liên quan:

- Đối với chị Vũ Thị Phương L người mua tài sản của bị cáo T. Quá trình điều tra chị L không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập việc xử lý trong vụ án là phù hợp.

- Đối với 02 đoạn vỏ dây cáp điện màu đen, bằng nhựa có tổng chiều dài 32m, bên trong có nhiều vỏ bằng nilon màu trắng bị cắt thành nhiều đoạn; 04 dây bằng kim loại, màu vàng đồng, mỗi dây có đường kính 16mm, bị cắt thành nhiều đoạn, tổng khối lượng 16 kg. Quá trình điều tra xác định được nguồn gốc tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty CP M nên đã trả lại cho Công ty là phù hợp.

- Đối với số tiền 1.720.000 đồng thu giữ của bị cáo, nguồn gốc là do bị cáo bán tài sản phạm pháp cho chị Vũ Thị Phương L mà có. Quá trình điều tra chị L đã nộp lại toàn bộ tài sản đã mua của bị cáo cho Cơ quan điều tra và đề nghị xin nhận lại số tiền trên. Đề nghị của chị L là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Đối với 01 chiếc kim băng kim loại màu trắng thu giữ của bị cáo. Xét thấy đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị hư hỏng số tiền 8.000.000 đồng bị cáo nhất trí nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty CP M số tiền trên.

Đối với số tiền 4.160.000 đồng chị Vũ Thị Phương L trả cho bị cáo, bị cáo đã chi tiêu cho bản thân hết 2.440.000 đồng, còn lại số tiền 1.720.000 đồng đã bị thu giữ. Nay chị L đề nghị được nhận lại số tiền 1.720.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn T 02) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 08-01-2026.

3. Về Vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kim băng kim loại màu trắng.

- Trả lại cho chị Vũ Thị Phương L số tiền 1.720.000 đồng.

(Chi tiết đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01-4-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Lào Cai).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty CP M số tiền 8.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên nếu bị cáo chưa thi hành thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357,

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền, lợi ích trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- THADS thành phố Yên Bái;
- Trại tạm giam số 02, Công an tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- Hồ Sơ NV CA tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.
- Lưu: Hs, TA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hòa